

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

LÊ MINH SƠN

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
VÙNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã: 9.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- PGS. TS Trần Trọng Hanh
- TS Nguyễn Hữu Khánh

Hà Nội, 2023

Luận án được hoàn thành tại
Viện Chiến lược phát triển

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS Trần Trọng Hanh

2. TS Nguyễn Hữu Khánh

***Phản biện 1:* GS. TS Nguyễn Tố Lăng**

***Phản biện 2:* PGS. TS Nguyễn Danh Sơn**

***Phản biện 3:* PGS. TS Bùi Văn Huyền**

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá Luận án cấp Viện tại
Viện Chiến lược phát triển
Vào ngày 20/12/2022

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài luận án

Đề tài được lựa chọn dựa trên các lý do chính bao gồm:

(1) Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24/01/2022 về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm đã chỉ ra những bất cập về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững các đô thị của Việt Nam, đồng thời xác định rõ các quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ, nổi bật trong đó là chủ trương về quản lý và phát triển các vùng thành phố phù hợp với giai đoạn mới. Những quan điểm trên của Đảng đã thể hiện sự quan tâm kịp thời, phù hợp với xu hướng phát triển đô thị của thế giới hiện nay, khắc phục những hạn chế trong đô thị hóa và phát triển đô thị trước đây, khuyến khích xây dựng những đầu tàu tăng trưởng trên cơ sở lấy các thành phố lớn làm hạt nhân, có sức lan toả xung quanh để hình thành và phát triển các VTP trên địa bàn toàn quốc. Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã cụ thể hoá chủ trương trên bằng định hướng phát triển mạng lưới các VTP tương tác.

(2) Nghiên cứu về hình thành và phát triển VTP vẫn còn là vấn đề tương đối mới ở Việt Nam. Khối lượng các công trình nghiên cứu khoa học về VTP còn khiêm tốn. Các kết quả nghiên cứu mới chủ yếu tiếp cận nghiên cứu về VTP ở một số góc độ chuyên ngành, đặc biệt là việc đề cập, định nghĩa khái niệm VTP. Có thể nói sự vận động của VTP gồm hai quá trình đan xen với nhau giữa hình thành và phát triển, trong đó nội dung về hình thành VTP gồm việc xác định phạm vi, ranh giới và quá trình thiết lập cơ cấu quy hoạch (CCQH); còn một số nội dung chính về phát triển VTP lại bao gồm nhiều khía cạnh như phát triển kinh tế; đô thị hoá, phân bố dân cư; tổ chức không gian, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường và xây dựng cơ chế, chính sách quản lý VTP. Cho đến nay, có thể nói chưa có một nghiên cứu nào có hệ thống về mặt lý luận và thực tiễn về hình thành và phát triển VTP ở Việt Nam theo góc độ của chuyên ngành kinh tế phát triển trong mối quan hệ hữu cơ với các chuyên ngành khoa học khác. như một hệ thống lãnh thổ tích hợp về điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường. Trong bối cảnh đổi mới về công tác quy hoạch ở nước ta hiện nay, những yêu cầu mới về khoa học, phát triển vùng lãnh thổ, trong đó với vai trò động lực phát triển kinh tế vùng và là các đầu mối phát triển KT-XH và phân bố dân cư trong hệ thống đô thị quốc gia và trong nền kinh tế quốc dân, VTP đòi hỏi phải được nghiên cứu sâu sắc từ nhiều góc độ khoa học khác nhau, đặc biệt là kinh tế phát triển.

(3) Hai VTP lớn là vùng Thủ đô Hà Nội (VTĐ Hà Nội) và vùng Thành phố Hồ Chí Minh (VTP Hồ Chí Minh) được lập quy hoạch xây dựng (QHXD), phê duyệt và công nhận. Tuy vậy, kết quả thực hiện QHXD VTĐ Hà Nội và QHXD VTP Hồ Chí Minh mặc dù đã mang lại một số kết quả tích cực, song cũng còn nhiều bất cập: (i) Phạm vi, ranh giới VTP được xác định còn mang tính chất duy ý chí, chủ quan và bằng quyết định hành chính; (ii) nội dung về phát triển còn mang tính tiếp cận kỹ thuật chuyên ngành, chưa bắt kịp với tinh thần tích hợp của Luật Quy hoạch 2017 gần đây; (iii) công tác đầu tư và phát triển còn mang nặng tính 'vật thể' (đầu tư chủ yếu vào cơ sở hạ tầng); (iv) mô hình quản lý VTP được đưa ra còn chưa phát huy được hiệu quả và tác dụng như mong đợi.

(4) Gần đây, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó ở Phần VIII về định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia đã xác định “vùng đô thị Cần Thơ” là một trong bốn vùng đô thị lớn được định hướng hình thành và phát triển.

Quy hoạch vùng (QHV) đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022, trong đó đã xác định VTP Cần Thơ với vị trí, vai trò đặc biệt, là khu vực động lực phát triển KT-XH ở vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, phương án được đề xuất mới chỉ dừng ở ý tưởng còn phạm vi, ranh giới và nội hàm phát triển VTP Cần Thơ tương lai giống như VTĐ Hà Nội và VTP Hồ Chí Minh, vẫn chưa được nghiên cứu kỹ và còn thiếu những chứng cứ khoa học về sự hình thành và phát triển VTP Cần Thơ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình thành và phát triển VTP trên cơ sở phân tích tổng quan, đánh giá thực trạng hình thành và phát triển, từ đó đề xuất phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp hình thành và phát triển VTP Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu

LA thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể sau: (1) Làm rõ những vấn đề lý luận về hình thành và phát triển vùng thành phố làm cơ sở nghiên cứu sự hình thành và phát triển của VTP Cần Thơ; (2) Nghiên cứu thực tiễn phát triển hình thành và phát triển VTP của một số quốc gia trên thế giới và thực tiễn phát triển VTĐ Hà Nội và VTP Hồ Chí Minh; (3) Sử dụng phương

pháp nghiên cứu và luận cứ khoa học, đặc biệt là kinh tế phát triển để xác định phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ; (4) Nghiên cứu đánh giá thực trạng hình thành và phát triển VTP Cần Thơ, những nhân tố ảnh hưởng hình thành và phát triển VTP, làm rõ hạn chế chủ yếu và nguyên nhân cản trở hình thành và phát triển VTP Cần Thơ; (5) Đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành, phát triển VTP Cần Thơ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là VTP Cần Thơ được xác định trong LA gồm bảy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

a) Về nội dung: LA chủ yếu tập trung nghiên cứu cơ sở lý thuyết của kinh tế phát triển và các bộ môn khoa học khác có liên quan về hình thành và phát triển VTP, trong đó tập trung vào các nội dung cơ bản như: (1) Khái niệm, định nghĩa về VTP; (2) Khái niệm, định nghĩa về hình thành và phát triển VTP; (3) Những nhân tố ảnh hưởng đến hình thành và phát triển VTP; (4) Đánh giá hình thành và phát triển VTP Cần Thơ; (5) Một số định hướng, đề xuất giải pháp chủ yếu hình thành và phát triển VTP Cần Thơ.

b) Về không gian: vùng ĐBSCL, trong đó tập trung vào VTP Cần Thơ được xác định trong LA gồm bảy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: An Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh.

c) Về thời gian: Phần phân tích và đánh giá thực trạng VTP Cần Thơ, LA tập trung vào giai đoạn từ năm 2010 đến nay. Phần phân tích về khung pháp lý cho VTP và phát triển đô thị ở Việt Nam, LA tập trung vào giai đoạn từ năm 2001 trở lại đây (thời điểm ban hành Nghị định số 72/2001/NĐ-CP ngày 05/10/2001 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và cấp quản lý đô thị). Phần đề xuất giải pháp, LA tập trung vào giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và khung nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

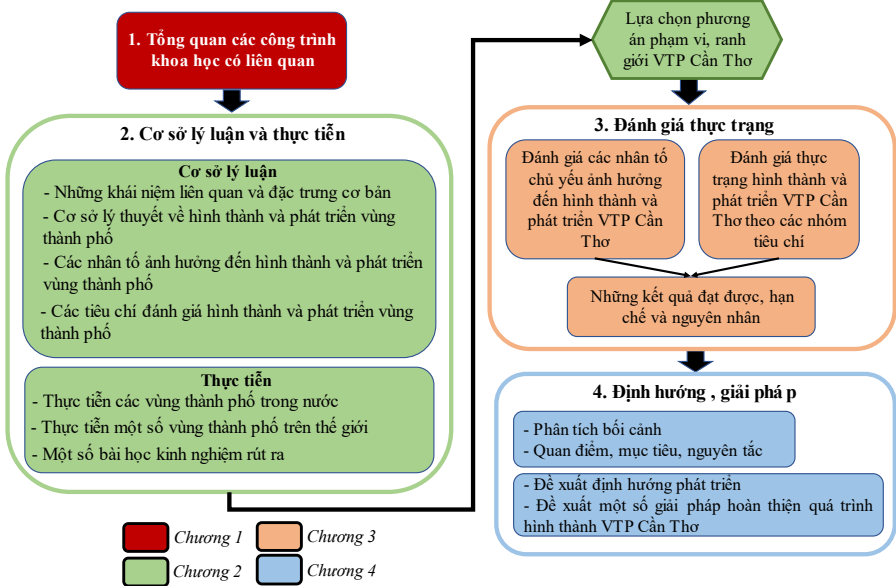
LA sử dụng các cách tiếp cận nghiên cứu sau: (1) Tiếp cận hệ thống; (2) Tiếp cận tổng thể, toàn diện; (3) Tiếp cận động, liên ngành, (4) Tiếp cận phát triển bền vững.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

LA sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: (1) Phương pháp luận, (2) Phương pháp thu thập số liệu và phân tích số liệu, (3) Phương pháp tổng

hợp, phân tích tài liệu thứ cấp, (4) Phương pháp định lượng, trong đó gồm mô hình trọng lực và các biến thể của mô hình trọng lực, phương trình hồi quy bình phương nhỏ nhất thông thường, (5) Phương pháp dự báo, (6) Phương pháp ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS).

4.3. Khung nghiên cứu của luận án



5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài và đóng góp mới của luận án

5.1. Ý nghĩa về lý luận và thực tiễn

– *Ý nghĩa lý luận*: góp phần bổ sung làm rõ cơ sở lý luận về khái niệm vùng thành phố, hình thành và phát triển vùng thành phố trong điều kiện thực tiễn ở Việt Nam.

– *Ý nghĩa thực tiễn*: góp phần cung cấp các luận cứ khoa học cho việc bổ sung, hoàn thiện khung khổ pháp luật, chính sách về phát triển VTP ở Việt Nam nói chung; về hình thành và phát triển VTP Cần Thơ nói riêng.

5.1. Đóng góp mới của luận án

– *Đóng góp về lý luận và học thuật*: Xây dựng được khung phân tích hình thành và phát triển VTP; lý giải rõ nội dung và những đặc trưng cơ bản của VTP (có phạm vi, ranh giới được xác định rõ ràng, có CCQH rõ ràng, có mối liên hệ chức năng với nhau giữa thành phố trung tâm và khu vực lãnh

thở ngoại vi, trong đó thành phố trung tâm là hạt nhân, giữ vai trò dẫn dắt và có ảnh hưởng nổi bật trong toàn VTP); chỉ rõ các nhân tố ảnh hưởng tới hình thành và phát triển VTP; xác định được 04 nhóm tiêu chí chính sử dụng để đánh giá hình thành và phát triển VTP trong điều kiện của Việt Nam; xác lập các định hướng, giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển VTP Cần Thơ.

– Đóng góp về thực tiễn: Cung cấp thêm một số cơ sở khoa học để Chính phủ, UBND TP. Cần Thơ và UBND các tỉnh vùng ĐBSCL thực hiện việc hoạch định và hiện thực hoá chủ trương phát triển VTP của Trung Ương, định hướng phân bố các vùng đô thị trong tương lai của Chính phủ; định hướng hình thành và phát triển VTP Cần Thơ trong Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Một số thuật ngữ và khái niệm trong luận án

LA sử dụng và bàn luận các khái niệm, thuật ngữ sau: (1) Vùng thành phố, (2) Phát triển vùng thành phố, (3) Hình thành vùng thành phố; (4) Quy hoạch vùng thành phố, (5) Cơ cấu quy hoạch vùng thành phố.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Kiến nghị, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, LA gồm bốn chương như sau:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về hình thành và phát triển vùng thành phố

Chương 2. Cơ sở lý luận, thực tiễn về hình thành và phát triển vùng thành phố

Chương 3. Thực trạng hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

Chương 4. Định hướng và giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

* * * * *

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG THÀNH PHỐ

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu, luận án tiến sĩ về hình thành và phát triển vùng thành phố ở nước ngoài

Các công trình nghiên cứu, LATS ở nước ngoài được hệ thống theo các nhóm (1) Các công trình nghiên cứu có liên quan về nhận thức và quan niệm vùng thành phố; (2) Một số lý thuyết cổ điển về hình thành và phát triển vùng thành phố; (3) Các nhân tố ảnh hưởng hình thành và phát triển vùng thành phố; (4) Quản trị vùng thành phố.

1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu, luận án tiến sĩ về hình

thành và phát triển vùng thành phố ở trong nước

Các công trình nghiên cứu, LATS ở trong ngoài được hệ thống theo các nhóm: (1) các công trình nghiên cứu về phát triển vùng và lãnh thổ; (2) Các công trình nghiên cứu về quy hoạch, quản lý, phát triển đô thị; (3) Các công trình nghiên cứu về vùng thành phố nói chung và vùng thành phố Cần Thơ nói riêng

1.3. Những vấn đề thuộc luận án nhưng chưa được các công trình, luận án tiến sĩ nghiên cứu

- Về mặt lý luận: với đặc điểm văn hoá, chính trị, KT-XH khác nhau thì các điều kiện để hình thành và nội hàm phát triển VTP cũng khác nhau. Đến nay, các nghiên cứu về hình thành và phát triển VTP ở trong nước chưa thực sự đầy đủ và sâu sắc.

- Về mặt thực tiễn: các nghiên cứu thực nghiệm về hình thành và phát triển VTP trên thế giới đã tương đối phong phú, song hiện chưa có nghiên cứu nào về trường hợp VTP ở Việt Nam nói chung và VTP Cần Thơ nói riêng.

- Những vấn đề luận án sẽ tập trung giải quyết:

a) Hệ thống lại cơ sở lý luận và làm rõ một số vấn đề về khái niệm, định nghĩa VTP, những đặc trưng cơ bản của VTP; khái niệm, định nghĩa hình thành và phát triển VTP, các nhân tố ảnh hưởng đến hình thành và phát triển VTP; những nội hàm cơ bản của việc đánh giá hình thành và phát triển VTP.

b) Xây dựng luận cứ khoa học đặc biệt theo giác độ kinh tế phát triển để xác định phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ; thực hiện xác định phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ thông qua kiểm chứng khoa học các phương án về VTP Cần Thơ đã được đề xuất;

c) Đánh giá thực trạng hình thành và phát triển VTP Cần Thơ, làm rõ những kết quả đạt được và những hạn chế, thách thức; nguyên nhân của những hạn chế, thách thức đó trong hình thành và phát triển VTP Cần Thơ.

d) Xây dựng quan điểm, mục tiêu về hình thành và phát triển VTP Cần Thơ; nguyên tắc và quá trình hình thành, phát triển cơ cấu quy hoạch vùng thành phố Cần Thơ

e) Đề xuất một số định hướng, giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành, phát triển VTP Cần Thơ.

* * * * *

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VỀ HÌNH THÀNH VÀ

PHÁT TRIỂN VÙNG THÀNH PHỐ

2.1. Khái niệm vùng thành phố, hình thành và phát triển vùng thành phố

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **2.1.1. Tổng kết các khái niệm cơ bản về vùng thành phố; 2.1.2. Khái niệm và định nghĩa vùng thành phố trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam; 2.1.3. Phân loại và phân cấp quản lý vùng thành phố.**

- 'Vùng thành phố' được hiểu và định nghĩa tương đối đa dạng giữa các học giả. Song, điểm chung trong cách nhìn nhận VTP đó là: (i) sự hiện diện của hai khu vực gồm một thành phố trung tâm và một vùng lãnh thổ ngoại vi quanh thành phố trung tâm đó và (ii) tồn tại những kết nối, tương tác với nhau qua các mối quan hệ chức năng về kinh tế, xã hội, văn hóa, con người giữa hai khu vực.

- LA đưa ra khái niệm riêng về “vùng thành phố”, “phát triển vùng thành phố”, “hình thành vùng thành phố”, “quy hoạch vùng thành phố”, “cơ cấu quy hoạch vùng thành phố”.

- Một VTP cơ bản có những đặc điểm như sau: (a) Có phạm vi, ranh giới được xác định rõ ràng; (b) Có CCQH rõ ràng; (c) Có mối liên hệ chức năng với nhau giữa thành phố trung tâm và khu vực lãnh thổ ngoại vi; (d) Thành phố trung tâm thể hiện sức ảnh hưởng nổi bật trong toàn VTP.

- Việc phân loại và phân cấp quản lý VTP cần gắn với các tiêu chí phân loại và phân cấp thành phố trung tâm của VTP theo các văn bản pháp luật còn hiệu lực hiện nay ở Việt Nam. *Về phân loại*, các VTP có thể được phân thành hai loại là: VTP loại Đặc biệt và VTP loại I. *Về phân cấp quản lý VTP* gồm có VTP cấp quốc gia, trong đó thành phố trung tâm của VTP là thành phố trực thuộc trung.

2.2. Các cơ sở lý thuyết về hình thành và phát triển vùng thành phố

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **2.2.1. Cơ sở lý thuyết của kinh tế phát triển về hình thành và phát triển vùng thành phố; 2.2.2. Cơ sở lý thuyết về phân vùng và tổ chức không gian vùng thành phố, 2.2.3. Cơ sở lý thuyết về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vùng thành phố; 2.2.4. Cơ sở lý thuyết về quy hoạch và chính sách phát triển vùng thành phố; 2.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng, tiêu chí đánh giá hình thành và phát triển vùng thành phố**

- Nhìn lại tiến trình phát triển, đổi mới về nghiên cứu vùng nói chung cho thấy vùng là đơn vị lãnh thổ giao thoa nhiều xu hướng nghiên cứu kinh

té khác nhau, tiêu biểu là về địa kinh tế, kinh tế phát triển. Là một cấp lãnh thổ có phạm vi, ranh giới rõ ràng, sự hình thành và phát triển của VTP cũng không vượt ra khỏi những định hình nghiên cứu phong phú giao thoa với nhau. LA bàn luận một số cơ sở lý thuyết về hình thành và phát triển vùng thành phố gồm: (1) Kinh tế phát triển, (2) Phân vùng và tổ chức không gian vùng thành phố, (3) Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, (4) Quy hoạch và chính sách phát triển vùng thành phố.

- Bốn nhân tố chủ yếu được nhận diện là ảnh hưởng đến hình thành và phát triển VTP gồm: (1) Chủ trương phát triển và khung pháp lý cho phát triển VTP và sự quản lý của Nhà nước, (2) Sự hội tụ phù hợp các nguồn lực kinh tế cho hình thành và phát triển VTP, (3) Sự hiện diện của một đô thị trung tâm với ảnh hưởng rõ ràng và mối quan hệ kinh tế - xã hội giữa thành phố trung tâm và khu vực lãnh thổ lân cận, (4) Nhu cầu và khả năng liên kết phát triển giữa các địa phương cấu thành vùng thành phố.

2.3. Thực tiễn hình thành và phát triển vùng thành phố và một số bài học kinh nghiệm

Nội dung nghiên cứu bao gồm: ***2.3.1. Thực tiễn về hình thành và phát triển vùng thành phố trong nước; 2.3.2. Thực tiễn về hình thành và phát triển một số vùng thành phố nước ngoài, 2.3.3. Một số nhận xét và bài học kinh nghiệm có thể rút ra***

- LA điểm lại bài học kinh nghiệm hình thành và phát triển VTP ở trong nước và trên thế giới. Đối với trong nước, hai trường hợp trong nước là Vùng Thủ đô Hà Nội và Vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với nước ngoài, bốn trường hợp nghiên cứu trên thế giới gồm: (1) Vùng Đại thành phố London; (2) Vùng thủ đô Berlin-Brandenburg; (3) Vùng thành phố Jarkarta (Japodetabek); (4) Vùng thành phố Manila (Metro Manila).

- Một số bài học kinh nghiệm rút ra gồm: (1) Xác định phạm vi, ranh giới, cơ cấu quy hoạch VTP dựa trên phương pháp khoa học có giá trị và ảnh hưởng dài hạn; (2) Tuy vậy việc xác định phạm vi, ranh giới, cơ cấu quy hoạch còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, tiêu biểu là tầm nhìn và tham vọng chính trị, tính khách quan của lịch sử và tính thực tiễn khi triển khai; (3) Thể chế VTP được thiết lập chính thống tạo điều kiện cho quy hoạch tích hợp và phát triển VTP về dài hạn.

2.4. Kiểm chứng và lựa chọn phương án về phạm vi, ranh giới vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu bao gồm: ***2.4.1. Một số phương pháp nghiên cứu xác định phạm vi, ranh giới vùng thành phố và vùng ảnh hưởng của***

thành phố trung tâm; 2.4.2. Các tiêu chí lựa chọn phương án vùng thành phố Cần Thơ, 2.4.3. Hệ thống các phương án phân vùng theo cơ sở sinh thái học vùng đồng bằng sông Cửu Long và phương án phân vùng theo các quan điểm khác nhau của các chuyên gia; 2.4.4. Kiểm chứng và lựa chọn phương án về phạm vi, ranh giới vùng thành phố Cần Thơ; 2.4.5. So sánh, lựa chọn phương án phạm vi, ranh giới vùng thành phố Cần Thơ.

- Theo khảo cứu của LA, ba nhóm phương pháp tiêu biểu để xác định phạm vi, ranh giới VTP là: (1) phương pháp phân tích dòng chảy, (2) phương trình mật độ và (3) áp dụng mô hình trọng lực (và các biến thể của mô hình trọng lực). Mô hình trọng lực là mô hình được LA lựa chọn để xác định phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ trong LA. Để xác định được và minh họa hiệu quả vùng ảnh hưởng của thành phố trung tâm, LA sử dụng công thức tính tiềm năng ảnh hưởng và công cụ nội suy không gian (*spatial interpolation*) của phần mềm ArcGIS.

- Hiện nay có nhiều phương án đề xuất phân vùng ở vùng ĐBSCL. LA hệ thống lại 11 phương án đề xuất theo hai nhóm: (1) Theo quan điểm sinh thái học và (2) theo quan điểm chuyên gia. Từ cơ sở phân tích các phương án đề xuất theo quan điểm sinh thái học, các khu vực với các mức độ thuận lợi khác nhau trong toàn vùng ĐBSCL đã được xác định.

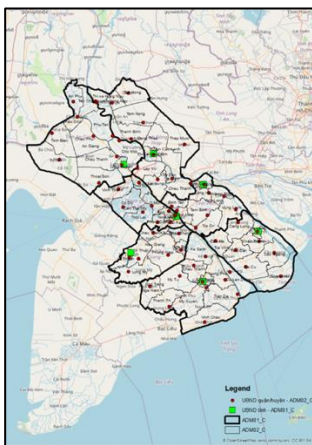
- Có thể lựa chọn trong số các phương án đó một phương án xác định làm phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ, song đề có thể phân loại, đánh giá và so sánh các phương án phân vùng một cách khoa học, khách quan một bộ tiêu chí thống nhất để phân loại, đánh giá và so sánh các phương án phân vùng là rất cần thiết. LA xuất năm tiêu chí để sử dụng: (1) Tiêu chí 1: Ranh giới của Vùng thành phố trùng khớp với ranh giới các đơn vị hành chính cấp cơ sở; (2) Tiêu chí 2: Vùng thành phố là đối tượng cho quy hoạch; (3) Tiêu chí 3: Vùng thành phố là đối tượng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và niên giám thống kê; (4) Tiêu chí 4: Phạm vi, ranh giới tạo vùng thành phố được thiết lập trên cơ sở các mối quan hệ liên vùng, nội vùng giữa các đơn vị cấu thành, có thể kiểm chứng thực nghiệm bằng các phương pháp, công cụ khoa học; (5) Tiêu chí 5: Phương án phân vùng thành phố Cần Thơ phải phù hợp với Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Để tiến hành phân vùng đô thị vùng ĐBSCL theo mô hình trọng lực, LA sử dụng quy trình gồm sáu bước: (a) Bước thứ nhất: lập và đưa vào áp dụng mô hình trọng lực trong điều kiện thực tế của vùng ĐBSCL; (b) Bước thứ hai: xác định cơ sở dữ liệu sử dụng và xác định các biến số; (c) Bước thứ ba: tính toán giá trị các tham số; (d) Bước thứ tư: xây dựng ma trận quan hệ tương tác giữa các đơn vị hành chính cấp tỉnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu

Long; (e) Bước thứ năm: xây dựng biểu đồ tương tác giữa các đô thị trung tâm của vùng ĐBSCL; (f) Bước thứ sáu: xác định phương án phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ.

- Trên cơ sở 05 tiêu chí được nêu, các phương án phân vùng thành phố Cần Thơ được phân tích, đánh giá bằng thang điểm từ 0 đến 1, trong đó tương ứng với tiêu chí đạt đầy đủ và cao nhất sẽ là 1 điểm; trường hợp không đạt sẽ là 0 điểm và trường hợp đạt không đầy đủ thì điểm đánh giá sẽ nằm trong khoảng từ 0 đến 1. Phương án đạt số điểm cao nhất sẽ được lựa chọn.

- Kết quả phân tích, kiểm chứng bằng mô hình trọng lực và so sánh các phương án cho thấy bằng chứng ủng hộ phương án đề xuất theo quan điểm chuyên gia thứ 3 (theo đề xuất của Liên danh tư vấn Royal Haskoning DHV-GIZ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Như vậy, VTP Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm: thành phố Cần Thơ và các tỉnh Hậu Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Trà Vinh và Sóc Trăng. Phía Bắc giáp tỉnh Long An, Campuchia; phía Nam giáp tỉnh Bạc Liêu, Biển Đông; phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang, về phía Đông là Biển Đông.



Vị trí, phạm vi và ranh giới vùng thành phố Cần Thơ trong vùng ĐBSCL

* * * * *

CHƯƠNG 3. THỰC TRẠNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

3.1. Khái quát quá trình hình thành vùng thành phố Cần Thơ

- LA khái quát về quá trình hình thành và hoàn thiện của khái niệm ‘vùng thành phố Cần Thơ’ từ những định hướng chính ban đầu cho TP. Cần Thơ (trở thành trung tâm vùng ĐBSCL), đến việc bàn luận và hình thành các ý tưởng khoa học về VTP Cần Thơ, đến khi được chính thức đề xuất, công

nhận trong Thuyết minh QHV ĐBSCL.

3.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và văn hóa xã hội vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **3.2.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên; 3.2.2. Đặc điểm văn hóa - xã hội**

VTP Cần Thơ trải dài từ phía Tây Bắc xuống phía Đông Nam, từ biên giới Campuchia đến Biển Đông, trải dài theo hai sông Tiền và sông Hậu. Một số đặc điểm về địa hình, địa mạo được phân tích. Vùng ĐBSCL nói chung và VTP Cần Thơ nói riêng có đặc điểm văn hóa - xã hội là sự giao thoa giữa tập quán sông nước với văn hóa đa sắc tộc, đa tín ngưỡng từ lịch sử những ngày đầu khai phá.

3.3. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **3.3.1. Đánh giá chung về các những thuận lợi, thách thức cho hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ; 3.3.2. Đánh giá theo các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ**

LA phân tích, đánh giá một số thuận lợi, khó khăn chung về hình thành và phát triển VTP Cần Thơ cũng như đánh giá theo các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến hình thành và phát triển VTP Cần Thơ (đã xác định ở Chương 2).

3.4. Thực trạng hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **3.4.1. Thực trạng phát triển kinh tế; 3.4.2. Thực trạng dân số, đô thị hóa và hệ thống đô thị - nông thôn; 3.4.3. Thực trạng sử dụng đất và vùng ảnh hưởng của các đô thị trung tâm; 3.4.4. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; 3.4.5. Thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; 3.4.6. Thực trạng tổ chức quản lý vùng thành phố Cần Thơ**

- Về quy mô kinh tế, tính đến năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn VTP Cần Thơ đạt 450.017 tỉ đồng, trong đó Khu vực I (Nông, lâm, thủy sản) đạt 147.850 tỉ đồng, Khu vực II (Công nghiệp và xây dựng) đạt 106.176 tỉ đồng, trong đó riêng Công nghiệp đạt 86.040 tỉ đồng, Khu vực III (Dịch vụ) đạt 195.990 tỉ đồng). So với vùng ĐBSCL, năm 2020 tổng sản phẩm GRDP của VTP Cần Thơ đóng góp khoảng 49,2% tổng sản phẩm GRDP toàn vùng. Các khu vực I, II, III đóng góp 47,8%, 41,6% và 56% so với toàn vùng và nhìn chung tỉ trọng đóng góp này hầu như không đổi so với năm 2010.

- Về cơ cấu kinh tế, năm 2020, tỉ trọng các Khu vực I, II, III so với tổng sản phẩm trên địa bàn VTP lần lượt là 32,9%, 23,6% (Công nghiệp

19,1%) và 43,6%.

- *Về tốc độ tăng trưởng kinh tế*, trong giai đoạn 2010-2020, tổng sản phẩm trên địa bàn VTP Cần Thơ có mức tăng trưởng dương ở 5,6%. Tốc độ tăng trưởng Khu vực I, II, III lần lượt là 3%, 9% (Công nghiệp 10%) và 6,4%. Công nghiệp và Dịch vụ của VTP Cần Thơ đều cao hơn so với tốc độ tăng trưởng tương ứng của vùng ĐBSCL.

- *Về quy mô dân số*, dân số trung bình của VTP đạt khoảng 10.529 nghìn người (năm 2020), chiếm khoảng 60% dân số trung bình của vùng ĐBSCL. *Về mật độ dân số*, trong giai đoạn 2010-2020, so với vùng ĐBSCL, mật độ dân số trung bình ở VTP Cần Thơ (trên ~600 người/km²) cao hơn so với vùng ĐBSCL.

- *Về lực lượng lao động*, trong giai đoạn 2010-2020, nhìn chung quy mô lực lượng lao động VTP Cần Thơ có xu hướng giảm (trung bình giảm 7,8%/năm). Lực lượng lao động trong khu vực nông nghiệp giảm nhanh nhất ở mức 33,3%/năm, trong khi lực lượng lao động khu vực phi nông nghiệp tăng trung bình 19,1%/năm.

- Tỷ lệ đô thị hóa ở VTP Cần Thơ trong giai đoạn 2011-2020 luôn cao hơn so với vùng ĐBSCL. Tính đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa ở VTP Cần Thơ là 31%, cao hơn so với ở vùng ĐBSCL là 25,2%, song thấp hơn so với trung bình của cả nước (~36,8%). Hệ thống đô thị VTP Cần Thơ có đặc điểm là tập hợp của những điểm đô thị phân tán, gắn với những vùng sản xuất nông nghiệp. Hệ thống đô thị VTP Cần Thơ chủ yếu là các thị tứ, thị trấn phân loại nhỏ. Các đô thị cấp tỉnh cách nhau trung bình khoảng 60-70km. Hiện trên địa bàn VTP Cần Thơ có 62 đô thị.

- Tính đến năm 2018, VTP Cần Thơ có tổng diện tích là 1.717.706 ha, chiếm 42,1% so với tổng diện tích đất toàn vùng ĐBSCL. Diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp lần lượt là 1.418.975 ha và 295.994 ha, tương ứng với 41,7% diện tích đất nông nghiệp và 46,3% diện tích đất phi nông nghiệp trên toàn vùng ĐBSCL. Riêng trong VTP Cần Thơ thì diện tích đất nông nghiệp chiếm 82%.

- Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải và môi trường được phân tích dựa theo các góc độ: (a) Kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông đường bộ; (b) Kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông đường thủy nội địa; (c) Kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông đường hàng không và đường sắt; (d) Thực trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Hiện trên địa bàn VTP Cần Thơ chưa có một bộ máy quản lý, quản trị toàn VTP. Tuy vậy, hiện nay ở vùng ĐBSCL nói chung đã có một số chính

sách cụ thể nhằm tăng tính kết nối giữa các địa phương như: (a) Quyết định số 2059/QĐ-TTg ngày 24/11/2015 về việc Thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng vùng kinh tế trọng điểm giai đoạn 2015-2020; (b) Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/04/2016 về ban hành Quy chế thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL giai đoạn 2016-2020; (c) Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/06/2020 về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025. Nhìn chung nếu được luật hóa, cơ sở pháp luật cho quản lý VTP Cần Thơ là rất thuận lợi.

- Kết quả xác định các vùng ảnh hưởng trong VTP Cần Thơ cho thấy trong VTP Cần Thơ, qua các biến số về GRDP, thị trường và thu nhập, TP. Cần Thơ là trung tâm ảnh hưởng của toàn VTP Cần Thơ - thể hiện qua màu sắc tập trung và đậm nhất ở TP. Cần Thơ và nhạt dần ở các tỉnh lân cận. Khi có sự kết hợp với biến số về dân số, khu vực ảnh hưởng từ TP. Cần Thơ có sự đậm hơn về màu sắc và có xu hướng dịch chuyển về phía An Giang, Đồng Tháp. Khu vực hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh có màu sắc tương đối nhạt so với các tỉnh còn lại về phía Tây Bắc của VTP. Trong giới hạn các biến số lựa chọn để xây dựng công thức và kiểm nghiệm, điều này phần nào phản ánh thực trạng phát triển KT-XH thấp hơn so các địa phương khác trong VTP của hai tỉnh này.

3.5. Đánh giá chung thực trạng hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **3.5.1. Kết quả và hạn chế chủ yếu;**
3.5.2. Nguyên nhân của những hạn chế

LA rút ra một số đánh giá chung gồm: (1) VTP Cần Thơ đã cơ bản đáp ứng được những đặc điểm của một VTP; (2) VTP Cần Thơ đang có xu hướng phát triển trở thành vùng động lực tăng trưởng rõ nét của vùng ĐBSCL với đóng góp khoảng một nửa vào GRDP toàn vùng, so với cả nước, nhìn chung những đóng góp của VTP Cần Thơ còn tương đối khiêm tốn, song hai quan sát đáng chú ý có thể rút ra là và tỉ trọng đóng góp vào của VTP vào Nông nghiệp cả nước là khá đáng kể; (3) VTP Cần Thơ cơ bản có cơ cấu kinh tế cơ bản hiện đại và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế thời gian qua cũng theo hướng hiện đại; (4) VTP Cần Thơ có tỉ lệ đô thị hóa cao, mật độ dân số cao hơn so với trung bình của vùng ĐBSCL. Sự tập trung dân số cao là một trong những điều kiện thuận lợi để tận dụng và phát triển những lợi ích kinh tế từ quần tụ ở đô thị; (5) Diện tích đất nông nghiệp của VTP Cần Thơ hiện nay chiếm 82% tổng diện tích, còn rất nhiều dư địa cho phát triển. Định hướng sử dụng đất cho VTP Cần Thơ là tăng diện tích đất phi nông nghiệp, giảm

diện tích đất nông nghiệp, Định hướng sử dụng đất đặt ra phù hợp với thực trạng phát triển và hướng phát triển chung về KT-XH cũng như xu hướng dân số ở trên; (6) Hệ thống kết cấu hạ tầng bước đầu đảm bảo tính kết nối liên vùng trong VTP. Vị trí trung tâm của VTP Cần Thơ trong vùng ĐBSCL là hội tụ của những đầu mối, nút giao cắt giao thông quan trọng. Tuy vậy, chất lượng của hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông cần phải được cải thiện. Cần có sự liên kết tốt hơn giữa các loại hình giao thông vận tải; (7) Hiện chưa có cơ chế quản trị, điều phối VTP Cần Thơ.

Về nguyên nhân của những hạn chế, LA hệ thống lại những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Những nguyên nhân chủ quan chủ yếu gồm: (1) Vùng ĐBSCL nói chung chưa phát huy được sức hút với người dân vùng; (2) Kết cấu hạ tầng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển; (3) Khung khổ pháp luật, chính sách cho VTP còn rời rạc, cát cứ; (4) Số liệu và dữ liệu nghiên cứu hạn chế việc quan sát, nghiên cứu nhiều hiện tượng, mối liên hệ chức năng giữa các địa phương.

* * * * *

CHƯƠNG 4. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ

4.1. Bối cảnh tác động đến hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu bao gồm: **4.1.1. Bối cảnh quốc tế; 4.1.2. Bối cảnh trong nước; 4.1.3. Bối cảnh vùng đồng bằng sông Cửu Long**

- LA Nhận định về bối cảnh thế giới và khu vực. Về bối cảnh quốc tế: (a) Từ nay cho tới 2030, xu hướng chủ đạo trên thế giới vẫn là xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa thông qua các hiệp định thương mại, đầu tư có tính khu vực; (b) Môi trường toàn cầu đang xấu đi, biến đổi khí hậu và nước biển dâng tiếp tục là thách thức lớn đối với thế giới, khu vực và Việt Nam; (c) Trong khu vực, Việt Nam hiện đang tham gia các sáng kiến hợp tác khu vực song, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói chung, Biển Đông nói riêng là khu vực cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các nước lớn, nên nguy cơ xung đột, bất ổn còn tiềm ẩn; (d) Vùng ĐBSCL là một phần địa lý của GMS, có một số thành phố lớn, năng động, phát triển nhanh ở Đông Nam Á; (e) Bối cảnh cụ thể về đề chia sẻ tài nguyên sông Mekong. thượng nguồn sông Mekong không được các quốc gia chia sẻ một cách bình đẳng.

- Nhận định về bối cảnh trong nước: Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương phát triển trong giai đoạn mới 2021-2030: (a) Chủ trương cơ cấu

lại nền kinh tế; (b) Chủ trương về phát triển đô thị; (c) Chủ trương về tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; (d) Chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp quốc gia; (e) Chủ trương, chiến lược phát triển năng lượng quốc gia; (f) Chiến lược phát triển kinh tế biển. Ngoài ra là một số chủ trương, chính sách khác như phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế tư nhân, hợp tác đầu tư nước ngoài, chuyển đổi số quốc gia, v.v. sẽ tác động mạnh đến định hướng phát triển và tổ chức lãnh thổ quốc gia thời kỳ tới.

4.2. Quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc về hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu chính gồm: **4.2.1. Quan điểm về hình thành và phát triển VTP Cần Thơ; 4.2.2. Mục tiêu; 4.2.3. Một số chỉ tiêu phát triển cụ thể**

LA xây dựng sáu quan điểm hình thành và phát triển VTP Cần Thơ, được trình bày như sau.

1. Việc hình thành và phát triển VTP Cần Thơ phù hợp với các chủ trương, đường lối, định hướng, chiến lược phát triển của Đảng và Nhà nước về phát triển TP. Cần Thơ và vùng ĐBSCL, cụ thể hoá các quy hoạch cấp quốc gia đặc biệt là QHV ĐBSCL thời 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. VTP Cần Thơ được hình thành trên cơ sở TP. Cần Thơ, là thành phố trực thuộc Trung ương, đô thị loại I, cấp quốc gia; trung tâm về dịch vụ, thương mại, du lịch - logistics; công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; văn hoá và thể thao và là trung tâm đầu mối có chức năng tổng hợp của vùng ĐBSCL. Quá trình hình thành và phát triển VTP Cần Thơ phải gắn với quá trình phát triển các mối quan hệ giữa TP. Cần Thơ với các đô thị xung quanh, từng bước trở thành trung tâm, đầu mối giao thông, giao lưu, cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mekong; kết nối với VTP Hồ Chí Minh và VTĐ Phnom Penh tạo nên một tam giác tăng trưởng của tiểu vùng Mekong mở rộng.

3. VTP Cần Thơ là một vùng động lực, thúc đẩy tăng trưởng của vùng ĐBSCL phải được phát triển toàn diện và bền vững dựa trên 05 trụ cột kinh tế, văn hóa - xã hội, môi trường sinh thái, an ninh - quốc phòng và thể chế, từng bước hình thành và phát triển VTP Cần Thơ trở thành VTP sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hoá sông nước của vùng ĐBSCL.

4. VTP Cần Thơ là một khu vực lãnh thổ tích hợp, cân bằng sinh thái được quy hoạch, xây dựng và phát triển theo nguyên tắc tôn trọng quy luật tự nhiên, phù hợp với điều kiện thực tế, hướng tới tương lai hiện đại, thịnh vượng và bền vững dựa trên mô hình thích ứng, thân thiện với môi trường

thiên nhiên; có khả năng chống chịu cao trước các tác động của lũ, nước lợ, nước mặn, thiên tai, xâm nhập mặn, xạt lở, các tình huống bất lợi của ĐBKH và thượng nguồn sông Mekong.

5. CCQH VTP Cần Thơ được thiết lập dựa trên TP. Cần Thơ - là thành phố trung tâm, đô thị hạt nhân, giữ vai trò là thành phố trung tâm của hệ thống các đô thị, khu dân cư trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của Thành phố và các hành lang dọc sông Hậu, sông Tiền là nhân tố chính đảm bảo các mối quan hệ kết nối hàng ngày ổn định, bền vững giữa các bộ phận cấu thành. VTP Cần Thơ hoạt động trong các mối quan hệ tương tác với các vùng và VTP lân cận của vùng ĐBSCL đặc biệt là vùng Đông Nam Bộ, VTP Hồ Chí Minh và VTĐ Phnom Penh.

6. VTP Cần Thơ là một vùng liên tỉnh hợp nhất các đơn vị hành chính cấp tỉnh phải được quản trị thống nhất bởi một Ban chỉ đạo Nhà nước có hiệu lực, với một Cơ quan Điều phối hiệu quả có sự tham gia của cả hệ thống chính trị, các cộng đồng dân cư và người dân, đảm bảo cho VTP phát triển theo đúng quy hoạch, pháp luật và quy chế quản lý vùng.

Từ các quan điểm và nguyên tắc trên, LA đề xuất mục tiêu phát triển chung như sau: Xây dựng VTP Cần Thơ trở thành VTP cấp quốc gia, khu vực động lực tăng trưởng của vùng ĐBSCL; gắn kết chặt chẽ với các vùng và VTP lân cận; có CCQH bền vững, linh hoạt dựa trên định hướng tổ chức không gian thống nhất tạo điều kiện thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh, làm việc, định cư, đi lại, phúc lợi, giao tiếp và sinh hoạt của người dân diễn ra hàng ngày trong vùng. VTP Cần Thơ là vùng thu hút đầu tư, được trang bị hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại; có khả năng chống chịu cao, thích ứng với biến đổi khí hậu và được quản lý thống nhất dựa trên một bộ máy hiệu quả, chính sách cơ chế phát triển năng động và hệ thống các quy hoạch đồng bộ theo quy định.

Mục tiêu về kinh tế: VTP Cần Thơ trở thành trung tâm kinh tế đô thị hiện đại cấp quốc gia và là khu vực đô thị hóa tập trung cao giữ vai trò là động lực tăng trưởng kinh tế và phát triển nhanh, bền vững của vùng ĐBSCL

Mục tiêu về văn hoá - xã hội: Phát triển VTP Cần Thơ trở thành đô thị sinh thái, văn minh, hiện đại, đáng sống, mang bản sắc văn hóa sông nước của vùng ĐBSCL; nơi tập trung và thu hút dân cư của vùng ĐBSCL, có mức độ đô thị hóa cao; đời sống vật chất, tinh thần của người dân đạt mức cao, các di sản lịch sử - văn hóa và thiên nhiên được bảo vệ và phát huy hiệu quả.

Mục tiêu về môi trường: Phát triển VTP Cần Thơ đạt tiêu chí của vùng đô thị sinh thái, phát triển thân thiện với môi trường và thích ứng với thiên tai, ĐBKH; có khả năng chống chịu cao trước các tình huống bất lợi nhất do

BĐKH và phát triển thượng nguồn sông Mekong, kiểm soát tốt vùng nước ngọt, lũ, nước lợi và hạn hán; lấy mô hình tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hòa làm biện pháp bảo vệ môi trường.

Và một số chỉ tiêu phát triển cụ thể được tổng hợp trong Bảng 4.2 của LA.

4.3. Định hướng phát triển cơ cấu quy hoạch vùng thành phố Cần Thơ

Từ các quan điểm trên, một số nguyên tắc hình thành và phát triển VTP Cần Thơ được LA xây dựng như sau: (a) Nguyên tắc thứ nhất về kế thừa lịch sử; (b) Nguyên tắc thứ hai về tổ chức lãnh thổ tích hợp, thống nhất; (c) Nguyên tắc thứ ba về phát triển các quan hệ bền vững, thường xuyên, hàng ngày; (d) Nguyên tắc thứ tư về lập quy hoạch và quản trị vùng; (e) Nguyên tắc thứ năm về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

LA xây dựng các luận cứ thiết lập mô hình CCQH VTP Cần Thơ gồm:

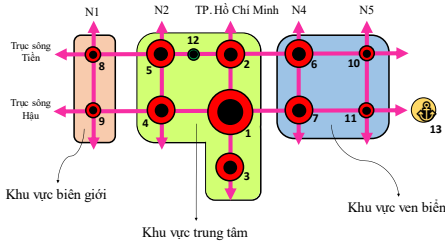
(a) Điều kiện tự nhiên, ở đó quỹ đất thuận lợi để xây dựng đô thị, công nghiệp chủ yếu phân bố dọc sông Tiền và sông Hậu;

(b) Hình thái phân bố dân cư bị tác động bởi điều kiện sông, nước, theo đó các đô thị, khu công nghiệp và các khu dân cư thường được bố trí ven sông, nơi có quỹ đất cao ráo, rất thuận tiện cho việc tiếp xúc giao thông đường thủy;

(c) Các tuyến giao thông, theo trục Đông - Tây thường được bố trí song song với các tuyến sông, còn các tuyến giao thông theo trục Bắc - Nam chủ yếu kết nối các trung tâm đô thị, hướng tới vùng Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Tại các điểm giao cắt các tuyến giao thông trên, hội tụ các điều kiện thuận lợi để phát triển đô thị;

(d) Toàn vùng ĐBSCL có chiều dài bờ biển gần 1000km, lối thông ra biển thuận lợi nhất trong tương lai đã được Quy hoạch vùng ĐBSCL xác định là cảng nước sâu tại Trần Đề (Sóc Trăng) sau khi so sánh với các cảng Hòn Khoai (Bạc Liêu), Định An (Sóc Trăng, Trà Vinh); theo đó cảng nước sâu Trần Đề được định hướng quy hoạch trở thành cảng biển đặc biệt, đảm nhiệm vai trò của ngõ vùng ĐBSCL.

Và đề xuất mô hình CCQH VTP Cần Thơ (nội dung được trình bày bổ sung thêm ở Phụ lục H.



Định hướng
phát triển
cơ cấu quy
hoạch VTP
Cần Thơ

4.4. Các định hướng và giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ

Nội dung nghiên cứu chính gồm: **4.4.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội;** **4.4.2. Định hướng phân bố dân cư, quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các vùng chức năng;** **4.4.3. Định hướng phát triển mạng lưới giao thông vùng thành phố Cần Thơ;** **4.4.4. Định hướng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;** **4.4.5. Giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ**

- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội: định hướng chung về nông nghiệp là không phát triển nông nghiệp ngoại thành; chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; tổ chức phân bố không gian hợp lý cho các cụm ngành nông nghiệp. Công nghiệp hóa cũng là xu hướng chung, cần thiết để VTP bắt kịp, tăng trưởng kinh tế song phát triển công nghiệp phải gắn với việc bảo vệ môi trường và đảm bảo tính bền vững. Định hướng chung đề xuất cho phát triển nhóm ngành du lịch là: (i) phát triển các lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ trở thành những ngành kinh tế mũi nhọn, có tính liên ngành, liên vùng; (ii) phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp; (iii) nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm, văn hóa, thể thao, dịch vụ công nghệ thông tin tại các khu vực đô thị và điểm dân cư nông thôn. Ngoài ra, một số định hướng về phát triển kinh tế số, kinh tế đô thị và kinh tế phi chính thức cũng được đề xuất.

- Định hướng phân bố dân cư, quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và phát triển các vùng chức năng: cần đảm bảo phù hợp với các nội dung tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 và 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 về phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030.

- Sử dụng đất ở VTP Cần Thơ và vùng ĐSBCL có điểm chung trong định hướng là giảm dần diện tích đất nông nghiệp và tăng dần diện tích đất

phi nông nghiệp. Đến năm 2025, diện tích đất nông nghiệp ở VTP Cần Thơ giảm 2,6% và đến năm 2030 giảm 4,6%, trong khi diện tích đất phi nông nghiệp tăng lên tương ứng 12,8% và 22,9%.

Về phương hướng phát triển và phân bổ các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao:

+ Hành lang đô thị - công nghiệp động lực kết nối với TP. Hồ Chí Minh gồm các khu công nghiệp đa ngành, chủ yếu là công nghiệp chế biến và công nghiệp nhẹ tập trung tại TP. Cần Thơ

+ Khu vực ven biển bao gồm các trung tâm năng lượng, công nghiệp chế biến thủy hải sản phân bố chủ yếu tại Trà Vinh, Sóc Trăng được gắn phát triển với các trung tâm điện lực; Định An (Trà Vinh) trở thành một khu kinh tế biển

+ Khu vực biên giới giáp Campuchia gồm 02 khu kinh tế của khẩu phân bố tại An Giang và Đồng Tháp phục vụ xuất khẩu nông sản, chủ yếu là lúa gạo và phát triển du lịch.

- Định hướng phát triển mạng lưới giao thông VTP Cần Thơ: cần bám sát các quy hoạch đã được phê duyệt, đang được triển khai, đồng thời cần tăng khả năng tích hợp đa phương thức, phối hợp giữa các loại hình vận tải nhằm tăng cường hiệu quả của hệ thống giao thông. Một số định hướng cụ thể được xác định như sau:

+ Giao thông đối ngoại: (a) Về hệ thống đường bộ cao tốc, giữa VTP Cần Thơ với các khu vực lân cận được định hướng theo hướng hình thành các trục dọc kết nối với các tỉnh phía Bắc và Nam của vùng ĐBSCL và vùng Đông Nam ; (b) Về hệ thống đường thủy nội địa, đây là trọng tâm của hệ thống hạ tầng VTP Cần Thơ, đặc biệt gắn với hai dòng sông chính là sông Hậu và sông Tiền. Bổ sung tuyến đường thủy nội địa cho tàu lớn (loại II) kết nối phía Đông (Cần Thơ/Hậu Giang/Sóc Trăng) qua sông Hậu với TP. Hồ Chí Minh/CM-TV bên cạnh tuyến hiện hữu ở phía Tây (An Giang) từ sông Hậu – sông Vàm Nao – sông Tiền – kênh Chợ Gạo – TP. Hồ Chí Minh; (c) Về hệ thống đường sắt, hiện dự án đường sắt kết nối Cần Thơ – TP. Hồ Chí Minh – Bình Dương là dự án đường sắt đầu tiên ở vùng ĐBSCL, hiện đang được lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trong dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

+ Giao thông đối nội vùng thành phố Cần Thơ: Giao thông đối nội trong VTP Cần Thơ các trục ngang nhằm tăng cường kết nối với hệ thống cảng biển trong vùng và với các cửa khẩu quốc tế. Các trục kết nối bao gồm: (a) Trục ngang 1: Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ – Sóc Trăng dài 191km, gồm

các đoạn tuyến Châu Đốc - Cần Thơ dài 116km, Cần Thơ – Sóc Trăng dài 75km; (b) Cao tốc Hồng Ngự (Đồng Tháp) – Trà Vinh dài 188km, gồm các đoạn tuyến Cửa khẩu Dinh Bà (Đồng Tháp) – Cao Lãnh (Đồng Tháp) dài 68km, Cao Lãnh (Đồng Tháp) – An Hữu (Tiền Giang) dài 30km, An Hữu (Tiền Giang) – Trà Vinh dài 90km; (c) Các tuyến giao thông nội vùng, và giao thông công cộng liên đô thị, trong VTP Cần Thơ được đưa vào quy hoạch để giảm tải cho các trục chính, tăng cường kết nối giữa các địa phương trong VTP Cần Thơ.

- Định hướng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu: theo hướng tích hợp các hành động gồm quản lý, kiểm soát ô nhiễm môi trường (nước, đất và không khí), thiết lập hệ thống giám sát chất lượng môi trường theo thời gian thực, chuyển đổi sản xuất năng lượng theo hướng thân thiện với môi trường và liên kết trong quản lý rác thải nhựa đại dương và sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Đối với trường hợp của vùng ĐBSCL và VTP Cần Thơ, trong bối cảnh thể chế VTP chưa được luật hóa ở Việt Nam (không phải một đơn vị hành chính theo quy định của Hiến pháp (2013), LA đề xuất mô hình tích hợp quản lý vùng đô thị trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện có.

- Các giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển vùng thành phố Cần Thơ được đề xuất theo sáu nhóm chính: (i) Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; (ii) Giải pháp tổ chức bộ máy quản trị vùng thành phố Cần Thơ; (iii) Các chính sách và cơ chế chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đô thị, kinh tế số và kinh tế phi chính thức gắn với các ngành, lĩnh vực quan trọng; (iv) Giải pháp huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển vùng thành phố Cần Thơ; (v) Giải pháp ứng dụng các tiên bộ khoa học và công nghệ; (vi) Giải pháp theo dõi, giám sát thực hiện quy hoạch.

4.5. Các kết quả nghiên cứu và bàn luận

Nội dung nghiên cứu chính gồm: 4.5.1. Các kết quả nghiên cứu của luận án; 4.5.2. Bàn luận về kết quả nghiên cứu

LA đã đưa ra được các kết quả nghiên cứu và đóng góp mới sau: (1) Xây dựng cơ sở khoa học và phương pháp luận về hình thành và phát triển VTP Cần Thơ; (2) Kiểm chứng, so sánh các phương án đề xuất về phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ bằng phương pháp khoa học lựa chọn là mô hình trọng lực cùng các luận giải về các bước tiến hành, lựa chọn biến số, giả thiết đặt ra; LA đã lựa chọn một phương án về phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ; (3) Tiến hành phân tích thực trạng phát triển VTP Cần Thơ, trên cơ sở các

nội dung về đặc điểm VTP, các nhân tố ảnh hưởng hình thành và phát triển VTP và các nội dung chính về phát triển VTP; (4) Kiến nghị quan điểm, mục tiêu về hình thành và phát triển VTP Cần Thơ; nguyên tắc và quá trình hình thành, phát triển CCQH; (5) Đề xuất định hướng, giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển VTP Cần Thơ.

1. Bàn luận về kết quả nghiên cứu thứ nhất: Cơ sở khoa học cho hình thành và phát triển VTP được xây dựng từ 03 trụ cột: (i) Khái niệm và định nghĩa về VTP, hình thành và phát triển VTP; (ii) Cơ sở lý thuyết về hình thành và phát triển VTP; (iii) Thực tiễn về hình thành và phát triển VTP ở trong và ngoài nước và những bài học kinh nghiệm. Ba bài học kinh nghiệm được rút ra, bốn nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới hình thành và phát triển VTP cũng được xác định.

2. Bàn luận về kết quả nghiên cứu thứ hai: LA đã thành công trong việc kiểm nghiệm phương pháp thực nghiệm để xác định phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ phục vụ nghiên cứu, khắc phục được các tồn tại về điều kiện số liệu, phương pháp hiện nay và là cơ sở phân tích thực trạng ở Chương 3.

- Phương pháp mô hình trọng lực áp dụng trong nghiên cứu tương tác giữa các chủ thể là các đơn vị lãnh thổ được triển khai nghiên cứu trong điều kiện số liệu ở Việt Nam còn hạn chế, song LA đã khắc phục bằng cách tự thu thập dữ liệu cần thiết, ước lượng và tính toán những dữ liệu chưa có để mô hình có thể hiện thực hóa và cho ra những kết quả thực nghiệm phục vụ nghiên cứu.

- Ma trận khoảng cách (Phụ lục C) và cách thức thu thập dữ liệu khoảng cách giữa thực địa giữa các địa phương trong vùng ĐBSCL từ giao diện API của Microsoft Bing Maps. Đây là điểm mới của LA trong tương quan với một số ấn phẩm hiện nay như Atlas Địa lí Việt Nam với số liệu khoảng cách giữa các địa phương trên cả nước còn mang tính ước lệ, chưa phản ánh đúng khoảng cách thực tế thực tế.

- Các tham số của mô hình trọng lực k và α được ước lượng, tính toán và bàn luận là điểm mới của LA. Ở nhiều nghiên cứu trên thế giới, các giá trị k và α thường được mặc định các giá trị cơ bản để tiện nghiên cứu. Tuy nhiên, cách làm của LA (Phụ lục E) khẳng định được việc tính toán các tham số của mô hình trong điều kiện số liệu của Việt Nam là khả thi. Các tham số được tính toán từ số liệu ở vùng ĐBSCL, tăng tính chặt chẽ và thực tiễn của mô hình.

- Việc kiểm nghiệm bằng phương pháp thực nghiệm và so sánh các phương án phân vùng ĐBSCL hiện nay, tính điểm và lựa chọn phương án VTP Cần Thơ đã bổ sung thêm một bộ công cụ cho các nghiên cứu trong

tương lai tái kiểm chứng khi điều kiện số liệu được cải thiện hơn.

3. Bàn luận về kết quả nghiên cứu thứ ba: Kết quả nghiên cứu thực trạng cho phép rút ra 07 nhận định gồm: (i) VTP Cần Thơ đã cơ bản đáp ứng được những đặc điểm/điều kiện của một VTP; (ii) VTP Cần Thơ đang có xu hướng phát triển trở thành vùng động lực tăng trưởng rõ nét của vùng ĐBSCL, so với cả nước VTP Cần Thơ có tỉ trọng đóng góp vào Nông nghiệp đáng kể; (iii) VTP Cần Thơ cơ bản có cơ cấu kinh tế cơ bản hiện đại và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế thời gian qua cũng theo hướng hiện đại; (iv) VTP Cần Thơ có tỉ lệ đô thị hóa cao, mật độ dân số cao hơn so với trung bình của vùng ĐBSCL - là một trong những điều kiện thuận lợi để tận dụng và phát triển những lợi ích kinh tế từ quần tụ ở đô thị; (v) VTP Cần Thơ còn rất nhiều dư địa cho phát triển. Định hướng sử dụng đất cho VTP Cần Thơ phù hợp với thực trạng phát triển và hướng phát triển chung về KT-XH cũng như xu hướng dân số; (vi) Hệ thống kết cấu hạ tầng kết nối ở VTP Cần Thơ có nhiều tiềm năng, song chất lượng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển; (vii) Còn thiếu cơ chế quản trị, điều phối VTP Cần Thơ.

4. Bàn luận về kết quả nghiên cứu thứ tư: Các quan điểm, mục tiêu và nguyên tắc được đề xuất góp phần giải quyết sâu sắc hơn hiểu biết toàn diện về VTP nói chung, VTP Cần Thơ nói riêng và làm cơ sở đề xuất các giải pháp định hướng ở Chương 4.

- Bộ chỉ tiêu gồm 19 chỉ tiêu ở ba nhóm Kinh tế, Văn hóa - Xã hội và Môi trường được xây dựng, đề xuất cùng các biện luận có cơ sở khoa học là công cụ rất hữu ích giúp cho các cơ quan QLNN, các địa phương trong VTP Cần Thơ tham khảo và xây dựng mục tiêu phát triển phù hợp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Những luận cứ hình thành CCQH VTP Cần Thơ và định hướng CCQH VTP Cần Thơ được đề xuất trên cơ sở kết hợp nội dung khu vực phát triển động lực vùng ĐBSCL được xác định trong QHV ĐBSCL được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các kết quả nghiên cứu mới của LA.

- CCQH VTP Cần Thơ được nhìn nhận mang tính động theo thời gian. Cùng với sự phát triển và thay đổi của VTP Cần Thơ, CCQH VTP Cần Thơ sẽ thay đổi để phản ánh đúng thực tế phát triển ở từng giai đoạn, do vậy yêu cầu phải có sự xem xét điều chỉnh mô hình CCQH VTP Cần Thơ hiện nay. Mô hình CCQH VTP Cần Thơ được đề xuất có giá trị tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách, quản trị VTP hiện nay.

5. Bàn luận về kết quả nghiên cứu thứ năm: Các định hướng và giải pháp hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển VTP Cần Thơ được đề xuất trên cơ sở các phân tích ở Chương 2 và Chương 3 của LA.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

a) Qua hơn ba thập kỷ liên tục vận động và đổi mới, khu vực đô thị của Việt Nam đã thể hiện vị trí đầu tàu của nền kinh tế, với những VTP đã và đang nổi lên như những cực tăng trưởng động lực, quan trọng trong hệ thống đô thị Việt Nam. Tuy vậy, nghiên cứu về VTP vẫn còn là lĩnh vực tương đối mới ở Việt Nam. Những nghiên cứu về lý thuyết và thực nghiệm về VTP ở Việt Nam còn rất khiêm tốn và mới tiếp cận từ một số góc độ nhỏ, trong khi sự vận động của VTP với hai quá trình hình thành và phát triển lại có nội hàm rộng với nhiều nội dung. Những yêu cầu mới cả về khoa học lẫn thực tiễn trong bối cảnh phát triển mới đòi hỏi cấp độ lãnh thổ VTP được tái định vị tương xứng với vị thế tâm quan trọng trong hệ thống đô thị quốc gia. Việc làm rõ về bản chất, chức năng, các đặc điểm và điều kiện hình thành và phát triển VTP gắn với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam vì vậy có ý nghĩa quan trọng để từ đó xây dựng những chính sách phát triển VTP gắn với kiểm chứng khoa học, đảm bảo tính hiệu quả và có giá trị thực tiễn của chính sách được ban hành. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài LATS là rất cần thiết.

b) “Vùng thành phố Cần Thơ” là khái niệm đã trải qua một quá trình hoàn thiện từ ý tưởng khoa học đến đề xuất chính thức (theo Thuyết minh QHV ĐBSCL công bố năm 2022 và Nghị quyết số 138/NQ-CP năm 2022 về QHTTQG). Với những luận giải khoa học, số liệu trích dẫn rõ ràng và ứng dụng phương pháp kiểm chứng khách quan, thực nghiệm, LA tìm thấy bằng chứng thực nghiệm vững chắc để xác định phạm vi, ranh giới VTP Cần Thơ và từ đó là bản luận về hình thành và phát triển VTP Cần Thơ.

c) VTP Cần Thơ đã và đang có xu hướng phát triển trở thành vùng động lực tăng trưởng rõ nét của vùng ĐBSCL với sự hội tụ nhiều điểm mạnh và cơ hội phát triển: đóng góp một nửa vào GRDP toàn vùng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; chủ trương, định hướng từ Trung ương; vị trí trung tâm vùng và là nơi giao cắt của nhiều tuyến giao thông vận tải quan trọng; còn nhiều dư địa phát triển; phần lớn lãnh thổ nằm trong khu vực thuận lợi để phát triển. Song cũng còn nhiều hạn chế và thách thức như hệ thống đô thị còn chưa xứng tầm dẫn dắt phát triển KT-XH chung cho toàn VTP; phát triển hạ tầng còn nhiều điểm nghẽn, nhiều khu vực còn nhạy cảm với các tác động từ BĐKH, nước biển dâng và xâm nhập mặn, nguồn tài nguyên sông nước đứng trước những thách thức quốc tế; còn thiếu cơ chế quản trị, điều phối VTP.

d) LA đã nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học hình thành và phát triển

VTP dựa trên hai trụ cột. Trụ cột (1) cơ sở lý thuyết, trong đó lý luận về định nghĩa, phân loại và phân cấp VTP, các xu hướng nghiên cứu hình thành và phát triển VTP, cơ sở lý luận bốn đặc điểm cơ bản VTP và sáu điều kiện hình thành VTP trong điều kiện thực tiễn ở Việt Nam (một điều kiện cần và năm điều kiện đủ); Trụ cột (2) về cơ sở thực tiễn trong nước và trên thế giới cùng ba bài học kinh nghiệm rút ra. LA đã lựa chọn một phương án phạm vi, ranh giới VTP được đề xuất hiện nay một cách thực nghiệm, sử dụng mô hình trọng lực trên cơ sở kiểm chứng các phương án phân vùng ĐBSCL hiện nay.

e) LA đã đề xuất sáu nhóm giải pháp định hướng phát triển VTP Cần Thơ: (i) Định hướng phát triển KT-XH; (ii) định hướng phân bố dân cư, quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn; (iii) định hướng phát triển mạng lưới giao thông; (iv) định hướng bảo vệ môi trường và thích ứng với BĐKH.

Từ đó, sáu nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện quá trình hình thành và phát triển VTP Cần Thơ được đề xuất gồm: (i) Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch và xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; (ii) giải pháp tổ chức bộ máy quản trị VTP Cần Thơ; (iii) Các chính sách và cơ chế chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế đô thị, kinh tế số và kinh tế phi chính thức gắn với các ngành, lĩnh vực quan trọng; (iv) giải pháp huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển VTP Cần Thơ; (v) giải pháp ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ; (vi) giải pháp theo dõi, giám sát thực hiện quy hoạch.

Nếu thực hiện có hiệu quả các định hướng chủ yếu được đề xuất bởi LA và với quyết tâm đạt mục tiêu về thu nhập bình quân đầu người mà Nghị quyết Đại hội XIII đặt ra thì trong giai đoạn 2020-2030, VTP Cần Thơ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình 11,6%/năm, tỉ trọng các ngành phi nông nghiệp chiếm từ 90% trở lên, các khía cạnh kinh tế - xã hội - môi trường của VTP Cần Thơ có sự thay đổi đáng chú ý.

2. Kiến nghị hướng nghiên cứu trong tương lai

LA xin gợi mở hai hướng nghiên cứu trong tương lai như sau:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất là: nghiên cứu để hoàn thiện khung khổ và chính sách pháp luật về VTP hiện nay. Những nghiên cứu mang tính tổng hợp, hệ thống lại khung khổ pháp luật liên quan, tham khảo kinh nghiệm pháp luật ở nước ngoài rất có giá trị tham khảo ở đây.

- Hướng nghiên cứu thứ hai: nghiên cứu thực nghiệm trong điều kiện số liệu hiện có và nghiên cứu lý thuyết về phương pháp nghiên cứu có thể áp dụng khi điều kiện số liệu được cải thiện. Các nghiên cứu thực nghiệm cũng góp tiếng nói khoa học thúc đẩy đổi mới công tác thống kê ở Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Minh Sơn (2022), Hướng tới một chương trình nghiên cứu về vùng thành phố ở Việt Nam, Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ ĐHQG TP. HCM - Kinh tế, Luật, Quản lý (bản thảo đã được chấp nhận đăng).

2. Lê Minh Sơn (2022), Delineation of City-Region boundary in Vietnam: the empirical case of ‘Can Tho City-Region’”, Ho Chi Minh City Open University Journal of Science (dịch: Xác định ranh giới vùng thành phố ở Việt Nam: trường hợp thực nghiệm của “vùng thành phố Cần Thơ, Tạp chí Khoa học ĐH Mở TP. HCM; bản thảo đã được chấp nhận đăng)

3. Lê Minh Sơn (2020), Analysing City-Regions in a Vietnamese Context: An Overview of Concepts, Definitions and Development Policy Implications, VNU Journal of Science: Economics and Business, Vol. 36, No. 2, pp. 52-66. (dịch: Phân tích về vùng thành phố trong bối cảnh của Việt Nam: tổng quan về khái niệm, định nghĩa và hàm ý phát triển, Tạp chí Khoa học ĐHQG: Kinh tế và Kinh doanh)

4. Lê Minh Sơn & Bui Kieu Anh (2020), Determinants of Economic Growth in the Mekong Delta Provinces, Can Tho University Journal of Science, Vol. 12, No. 1, pp. 16-29. (dịch: Các nhân tố ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế ở vùng ĐBSCL, Tạp chí Khoa học ĐH Cần Thơ)

5. Lê Minh Sơn (2019), Rethinking City Classification System in Vietnam: Towards Urban Sustainability and People-Centered Development, VNU Journal of Science: Policy and Management Studies, Vol. 36, No. 2, pp. 81-91. (dịch: Ngẫm lại về hệ thống phân loại đô thị ở Việt Nam: hướng tới tính bền vững và phát triển lấy con người làm trung tâm)

6. Lê Minh Sơn (2018), Những điểm mới nổi bật của Luật Quy hoạch 2017 và một số vấn đề đặt ra đối với phát triển thành phố và vùng thành phố, Tạp chí Pháp luật và Phát triển, Số 11-12.2018, tr. 60-65.

7. Lê Minh Sơn (2017), Lợi ích kinh tế từ quản tụ trong đô thị và một số khuyến nghị đối với Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Quản lý, Số 22, tr. 54-58.